

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2019/HS-ST**
Ngày 27 tháng 9 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Vinh
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm V H**, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 5, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm V P – sinh năm 1959, con bà Chu T H – sinh năm 1965; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2012, bị Ủy ban nhân dân huyện Định Quán đưa vào cơ sở giáo dục Phú Giáo, tỉnh Bình Dương về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

2. Họ và tên: **Trần T L**, sinh năm 2000 tại Đồng Nai; Nơi cư trú ấp 3, xã Phú Hòa, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần X C – sinh năm 1969, con bà Trương T T1 – sinh năm 1969; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

Bị hại: Ông L1 H Q, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 6/4. Khu 2, ấp TH, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hồ V L1, sinh năm 1965

Địa chỉ: 51, khu 2, ấp 4, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2/ Ông Trần V T, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu 1, ấp 1, xã PĐ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 17 giờ ngày 08/4/2019, H rủ L đi lên công trình khai thác đá nơi L đang làm việc thuộc ấp 4, xã PT, huyện Định Quán để lấy tài sản, L đồng ý. Khoảng 18 giờ H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu “Dream” biển số 72H7-4296, chở L đến công trình. Khi đến nơi, L sợ bị phát hiện nên đứng ngoài canh chừng, còn H đi vào khu vực bên trong công trình. Tại đây, H gặp ông Hồ V L1 là người bảo vệ tại công trình. Lúc này, ông L1 hỏi H đến đây làm gì thì H nói đến lấy 01 máy cắt sắt và 01 máy hàn điện cho ông L1 H Q là chủ của công trình. Ông L1 hỏi tên là gì thì H dùng thủ đoạn gian dối nói H tên Quý để tạo niềm tin cho ông L1 giao tài sản. Sau đó, ông L1 giao tài sản cho H, H bỏ 01 máy cắt bàn màu đỏ nhãn hiệu FEG và 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký lên xe chở ra ngoài cùng L đi về tiệm cơ khí của anh Trần V T tại ấp 1, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bán được 1.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được H và L mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 09/4/2019, H và L bị Công an mời đến làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Định Quán, Phạm V H và Trần T L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tài sản chiếm đoạt:

- 01 máy cắt bàn màu đỏ nhãn hiệu FEG.

- 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 26/4/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Định Quán, kết luận: Tổng giá trị 02 tài sản nêu trên là 2.300.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 máy cắt bàn màu đỏ nhãn hiệu FEG;

- 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký; - 01 xe mô tô nhãn hiệu “Dream”, biển số 72H7 – 4296;

- Số tiền 1.000.000 đồng, là số tiền H giao nộp do việc bán tài sản lừa đảo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông L1 H Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại. Ông Trần V T không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 73/CT-VKS.ĐQ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán đã truy tố bị cáo Phạm V H, Trần T L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phạm V H, Trần T L phạm tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”. Về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Phạm V H: từ 14 đến 16 tháng tù, đề nghị xử phạt bị cáo Trần T L từ 10 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng, Viện kiểm sát đề nghị:

- Đối với 01 máy cắt bàn màu đỏ nhãn hiệu FEG và 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bị hại ông L1 H Q, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở nên không xem xét

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu “Dream”, biển số 72H7 – 4296, Phạm V H khai mượn xe mô tô trên của ông Lê V L1, sinh năm 1987, cư trú tại ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Định Quán đã có Công văn gửi Phòng PC08 Công an tỉnh Đồng Nai tra cứu nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời, đồng thời ông Lê V L1 hiện tại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với ông Luân. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách riêng hồ sơ, khi nào có kết quả xử lý sau.

- Số tiền 1.000.000 đồng, là số tiền H giao nộp do việc bán tài sản lừa đảo mà có. Đây là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự, Viện kiểm sát đề nghị: Bị hại ông L1 H Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại. Ông Trần V T không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của hai bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại ông L1 H Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ V L1 vắng mặt. Trong giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai và không có yêu cầu gì. Do vậy việc vắng mặt của ông Q, ông L1 tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm V H, Trần T L có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, hai bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 08/4/2019, tại công trình khai thác đá thuộc ấp 4, xã PT, huyện Định Quán, Phạm

V H và Trần T L đã có hành vi gian dối lừa ông Hồ V L1 để chiếm đoạt tài sản là 01 máy cắt bàn màu đỏ, nhãn hiệu FEG; 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký của ông L1 H Q. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.300.000 đồng.

Hành vi do bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần T L thực hiện đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán truy tố các bị cáo theo tội danh và khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với ông Trần V T khi mua 01 máy cắt, 01 máy hàn do H bán, thì ông T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; Nên không có cơ sở xem xét ông T về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:

Vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn trong đó H đóng vai trò là chủ mưu, L đóng vai trò là giúp sức. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đều có ý trực tiếp, không những gây hậu quả thiệt hại về tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an ninh, tạo nên tâm lý lo ngại, bức xúc trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tự nguyện nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo và nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần phải cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với tính chất hành vi, vai trò của từng bị cáo như sau: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo H đóng vai trò là người chủ mưu, chớ L đi, đồng thời là người trực tiếp dùng thủ đoạn gian dối với ông Hồ V L1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; L đóng vai trò là người giúp sức chỉ dẫn nơi để tài sản và đứng ngoài canh chừng khi H lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy mức hình phạt áp dụng đối với H là cao hơn so với L.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông L1 H Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại. Ông Trần V T không yêu cầu Phạm V H và Trần T L bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 máy cắt bàn màu đỏ nhãn hiệu FEG và 01 máy hàn nhãn hiệu Hồng Ký, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bị hại ông L1 H Q, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở nên không xem xét

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu “Dream”, biển số 72H7 – 4296, Phạm V H khai mượn xe mô tô trên của ông Lê V L1, sinh năm 1987, cư trú tại ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Định Quán đã có Công văn gửi Phòng PC08 Công an tỉnh Đồng Nai tra cứu nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời, đồng thời theo kết quả xác minh thì hiện tại ông Lê V L1 hiện tại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với ông Luân. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách riêng hồ sơ, khi nào có kết quả xử lý sau là đúng quy định.

- Số tiền 1.000.000 đồng, là số tiền H giao nộp do việc bán tài sản lừa đảo mà có. Đây là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, riêng mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm V H, Trần T L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm V H: **08** (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần T L: **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

(Số tiền nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán theo Quyết định chuyển vật chứng vụ án số 61/QĐ-VKS.ĐQ ngày 13/8/2019 và Biên lai thu tiền số 0002763 ngày 15/8/2019).

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: các bị cáo Phạm V H, Trần T L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần V T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ V L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV LQ;
- VKSND huyện Định Quán;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

